TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/DS-ST.
Ngày: 14/5/2026.
"*V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Út.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2026/TLST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S1 có ngay** (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Kanokwatpaisal N** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Minh V**, sinh ngày 03/9/1995. Địa chỉ: Số E P, phường P, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số 802/2025/UQ-SVN ngày 01/01/2026)

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh ngày 01/01/1969. CCCD số 086169002446. Địa chỉ: Số A đường H, phường T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S1 có ngay do ông Nguyễn Minh V làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/3/2025 bà Lê Thị C có đến Công ty Cổ phần S1 có ngay chi nhánh V1 để thực hiện cầm cố tài sản với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tài sản mà bà C tiến hành cầm cố là 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại WAVE@-Alpha, biển số xe 64C1-244.99 có số khung RLHJA3922PY501166, số máy JA39E3128982 theo giấy chứng nhận đăng ký số 009434 do Công an V2 cấp ngày 23/9/2023. Hai bên có thực hiện Hợp đồng cầm cố số VLM250302020NA23X ngày 28/3/2025 với số tiền 8,351,063 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, mỗi tháng bà C phải đóng cho SAWAD 770,402.81 đồng và lãi suất được quy định như sau: Lãi suất cầm cố là 1.1%/tháng và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Do có nhu cầu cần xe để sử dụng nên cùng ngày 28/3/2025 bà C có xin mượn lại xe và hai bên có lập giấy mượn xe cùng ngày với thời hạn mượn xe là 01 tháng kể từ ngày 28/3/2025 đến ngày 28/4/2025.

Trong quá trình cầm cố thì từ ngày 28/3/2025 đến ngày 03/12/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) thì bà C đã trả được cho S tổng số tiền là 2.960.000 đồng, *(trong đó tiền gốc là 1,283,760 đồng, tiền lãi là 257,045 đồng, tiền phí 1,419,195 đồng).* Ngày 28/5/2025 thì bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho S nữa. Công ty đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng bà C vẫn không thực hiện. Nay bà C còn nợ Công ty Cổ phần S1 có ngay số tiền 7.067.303 đồng.

Trên cơ sở đó Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu bà Lê Thị C thanh toán số tiền tính đến ngày 23/3/2026 là 9.010.812 đồng, trong đó tiền gốc là trong đó nợ gốc là 7.067.303 đồng, tiền lãi trong hạn là 777.403 đồng và tiền lãi quá hạn là 1,166,105 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ngày 23/3/2026, đại diện Nguyên đơn ông V có nộp văn bản chấm dứt ủy quyền đối với ông Nguyễn Văn L và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: "*Nguyên đơn xin rút lại phần phí quản lý hồ sơ 424.038 đồng, phí hao mòn tài sản khi mượn xe 2.505.319 đồng. Tổng cộng nguyên đơn rút không yêu cầu bị đơn trả 2.929.357 đồng. Đối với giấy chứng nhận xe máy của bà Lê Thị C thì nguyên đơn đồng ý trả lại cho bà C khi bà C hoàn tất trả tiền cho Công ty.*"

Ngày 24/3/2026 Công ty Cổ phần S1 có ngay có ông Nguyễn Minh V đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do sức khỏe không tốt.

Đối với bị đơn bà Lê Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho Lê Thị C đến Tòa án làm việc, văn bản tố tụng gửi cho bà C, do bà C không có ở nhà, nên Tòa án đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật, đến ngày làm việc Chín không đến và không gửi bản khai ý kiến về việc Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu bà C trả nợ, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần S1 có ngay có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản khai ngày 14/5/2026 đại diện nguyên đơn có viết và yêu cầu bà C trả cho Công ty số tiền cầm cố gốc và lãi là 8.035.254 đồng, trong đó gốc là 7.067.304 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng. Nguyên đơn yêu cầu rút lại số tiền quản lý hồ sơ là 424.038 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 2.505.319 đồng. Tổng cộng là 2.929.357 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Bà Lê Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà C không đến và cũng không gửi cho Tòa án bản khai ý kiến về việc này. Trên cơ sở bà Lê Thị C còn đăng ký hộ khẩu số A, đường H, phường T, tỉnh Vĩnh Long, nên Tòa án tiến hành gửi giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà C tại địa chỉ trên nhưng bà C không có ở nhà, nên cán bộ Thừa phát lại đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với bà Lê Thị C.

[1.2] Công ty Cổ phần S1 có ngay khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị C yêu cầu trả cho Công ty số tiền cầm cố gốc và lãi là 8.035.254 đồng, trong đó gốc là 7.067.304đ, lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng. Đây là quan hệ cầm cố tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, bà Lê Thị C thường trú tại số A, đường H, phường T, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được sửa đổi bổ sung năm 2025

[2] *Về nội dung*:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu bà Lê Thị C trả cho Công ty số tiền cầm cố gốc và lãi là 8.035.254 đồng, trong đó gốc là 7.067.304 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng. *Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Xét tại hợp đồng cầm cố số VLM250302020NA23X ngày 28/3/2025 có ghi bà Lê Thị C (bên B) đồng ý cầm cố cho Công ty Cổ phần S1 có ngay (Bên A) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại WAVE@-Alpha, biển số xe 64C1-244.99 có số khung RLHJA3922PY501166, số máy JA39E3128982 theo giấy chứng nhận đăng ký số 009434 do Công an V2 cấp ngày 23/9/2023, mục đích chi tiêu cá nhân. Với số tiền cầm cố là 8.351.063 đồng. Thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 28/3/2025 đến ngày 28/3/2026. Lãi suất được quy định như sau: Lãi suất cầm cố là 1.1%/tháng và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, bà C đã thế chấp tài sản cầm cố là giấy chứng nhận đăng ký xe số 009434 do Công an V2 cấp ngày 23/9/2023 cho Công ty.

[2.2] Tại phiên toà nay bà C vắng mặt, Tòa án gửi văn bản tố tụng triệu tập bà C đến Tòa án giải quyết vụ kiện. Tại thời điểm tống đạt văn bản, bà C không có ở nhà, bà C biết bản thân còn nợ tiền của Công ty và có nghĩa vụ phải thanh toán. Tuy nhiên bà C1 không thanh toán cho Công ty nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cho nên Công ty Cổ phần S1 có ngay yêu cầu bà Lê Thị C thanh toán số tiền cầm cố xe với tổng số tiền bao gồm gốc và lãi là 8.035.254 đồng, trong đó gốc là 7.067.304 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng, việc Công ty không yêu cầu tính lãi tiếp theo là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009434, biển số xe 64C1-244.99 ngày 23/9/2023, hiện nay Công ty Cổ phần S1 có ngay đang giữ, nên Buộc Công ty Cổ phần S1 có ngay trả giấy chứng nhận đăng ký xe số 009434, biển số xe 64C1-244.99 ngày 23/9/2023 cho bà Lê Thị C.

[2.4] Nguyên đơn rút lại không yêu cầu bà Lê Thị C trả tiền phí quản lý hồ sơ là 424.038 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 2.505.319 đồng. Tổng cộng là 2.929.357 đồng cho Công ty, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 có ngay số nợ gốc và lãi là 8.035.254 đồng, trong đó gốc là 7.067.304 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Buộc Công ty Cổ phần S1 có ngay trả giấy chứng nhận đăng ký xe số 009434, biển số xe 64C1-244.99 ngày 23/9/2023 cho bà Lê Thị C.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà C trả tiền tiền phí quản lý hồ sơ là 424.038 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 2.505.319 đồng. Tổng cộng là 2.929.357 đồng cho Công ty.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 244, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 311, 312, 314 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 có ngay.

Buộc bị đơn bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S1 có ngay số tiền cầm cố gốc và lãi là 8.035.254 đồng (*tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng*), trong đó gốc là 7.067.304 đồng (*bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn đồng*), lãi trong hạn tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 28/3/2026 là 787.769 đồng (*bảy trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/3/2026 đến ngày 14/5/2026 là 180.182 đồng (*một trăm tám mươi nghìn một trăm tám mươi hai đồng*). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị C trả tiền phí quản lý hồ sơ là 424.038 đồng (*bốn trăm, hai mươi bốn nghìn không trăm ba mươi tám đồng*), tiền phí hao mòn tài sản là 2.505.319 đồng (*hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn ba trăm mười chín đồng*). Tổng cộng là 2.929.357 đồng (*hai triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*) cho Công ty.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Buộc bà Lê Thị C phải nộp 401.762 đồng làm tròn số 402.000 đồng (*bốn trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S1 có ngay số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 322.700 đồng (*ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001784 ngày 23/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Điệp